

Số: 03 /2017/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc thành phố tại Tờ trình số 60/TTr-BDT ngày 26 tháng 10 năm 2016 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4057/TTr-SNV ngày 10 tháng 11 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Dân tộc thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra Văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, PCT/NC, VX;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Sở Nội vụ (3b); Ban Dân tộc TP;
- VPUB: CVP, PVP/NC, VX;
- Phòng: NCPC, VX, TH; TTCB;
- Lưu: VT, (NC/Th) XP. 150.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phong

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc thành phố
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2017/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Dân tộc thành phố là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước và mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Trụ sở làm việc của Ban Dân tộc thành phố đặt tại số 108 đường Ngô Quyền, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ban Dân tộc thành phố chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hằng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc thành phố;

c) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban Dân tộc thành phố: Trưởng, Phó phòng chuyên môn, nghiệp vụ dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công tác dân tộc;

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị của Ban Dân tộc thành phố theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc thành phố với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng biển đảo, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề giảm hộ nghèo, tăng hộ khá đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố.

6. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của Thành phố; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình giảm nghèo bền vững, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc quận, huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các quận, huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện và cán bộ, công chức là người dân tộc làm việc tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, bảo đảm cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Dân tộc.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Lãnh đạo Ban Dân tộc thành phố

1. Ban Dân tộc thành phố có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

2. Ban Dân tộc thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng, Trưởng ban là người đứng đầu Ban Dân tộc thành phố; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Dân tộc; là chủ tài khoản cơ quan Ban Dân tộc thành phố.

3. Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành hoạt động của Ban Dân tộc thành phố.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Trưởng ban quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc thành phố trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc thành phố

1. Các đơn vị thuộc Ban, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Chính sách Dân tộc;
- d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
- đ) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

2. Trưởng ban có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Ban Dân tộc thành phố.

3. Việc thành lập hoặc tổ chức lại các đơn vị thuộc Ban Dân tộc thành phố do Trưởng ban chủ trì, phối hợp Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

4. Biên chế công chức của Ban Dân tộc thành phố được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố được cấp có thẩm quyền giao.

Chương IV **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 6. Đối với Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban Dân tộc

1. Ban Dân tộc thành phố chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc;

2. Ban Dân tộc thành phố có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc phối hợp giữa Ủy ban nhân dân thành phố với Ủy ban Dân tộc để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

3. Ban Dân tộc thành phố có trách nhiệm thường xuyên quan hệ chặt chẽ để báo cáo, tiếp nhận các chủ trương, chính sách, các ý kiến chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban Dân tộc để kịp thời tổ chức triển khai thực hiện trên lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn thành phố.

Điều 7. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

Ban Dân tộc thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 8. Đối với các Sở, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Quan hệ giữa Ban Dân tộc thành phố với các Sở, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện là quan hệ phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban Dân tộc giao;

2. Ban Dân tộc thành phố chủ động bàn bạc, trao đổi, thực hiện công tác phối hợp, cùng nhau giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác; đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao;

3. Khi giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều Sở, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thì Trưởng ban Ban Dân tộc thành phố phải chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp với các ngành, địa phương đó;

4. Trưởng ban Ban Dân tộc thành phố làm việc trực tiếp hoặc ủy nhiệm cho Phó Trưởng ban làm việc với các cơ quan, đơn vị và địa phương; nếu không thống nhất được công việc có liên quan thì báo cáo lại để xin ý kiến của Trưởng ban và sau đó phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo.

Điều 9. Đối với cơ quan phụ trách công tác dân tộc ở các quận, huyện

1. Mọi quan hệ giữa Ban Dân tộc thành phố với cơ quan phụ trách công tác dân tộc ở quận, huyện là quan hệ hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra hoạt động trong việc chấp hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương;

2. Ban Dân tộc thành phố có trách nhiệm triển khai, phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định của Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân thành phố về công tác dân tộc trên địa bàn; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao của bộ phận phụ trách công tác dân tộc ở quận, huyện.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Trưởng ban Ban Dân tộc thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và cụ thể hóa một số quy định có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc ở địa phương để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc đạt hiệu quả.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế thì Trưởng ban Ban Dân tộc thành phố phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong